

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 928 /SNN-QBVR

Đắk Lắk, ngày 19 tháng 4 năm 2018

V/v hướng dẫn hồ sơ và quản lý sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng năm 2018

Kính gửi:

- Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh;
- Các đơn vị cung ứng DVMTR trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR); Nghị định số 147/2016/NĐ-CP ngày 02/11/2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24/9/2010 của Chính phủ về chính sách chi trả DVMTR;

Căn cứ Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh; Thông tư số 22/2017/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2017 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn một số nội dung thực hiện chính sách chi trả DVMTR;

Căn cứ Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh; Thông tư số 04/2018/TT-BTC ngày 17/01/2018 của Bộ Tài chính về hướng dẫn quản lý và sử dụng tiền DVMTR;

Căn cứ Quyết định số 514/QĐ-UBND ngày 09/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch thu chi tiền DVMTR năm 2018; Công văn số 598/UBND-NNMT ngày 22/01/2018 của UBND tỉnh về việc áp dụng các hệ số K thành phần làm cơ sở tính toán mức chi trả tiền DVMTR;

Căn cứ Công văn số 398/SNN-QBVR ngày 22/02/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc áp dụng hệ số K thành phần làm cơ sở tính toán mức chi trả tiền DVMTR trên địa bàn tỉnh; Công văn số 878/SNN-CCKL ngày 22/02/2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT về việc rà soát và tổ chức giao đất, giao rừng cho cá nhân hộ gia đình, cộng đồng dân cư thôn trên địa bàn tỉnh;

Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn các chủ rừng là tổ chức, cộng đồng, nhóm hộ, hộ gia đình và các tổ chức không phải là chủ rừng nhưng được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý bảo vệ rừng có cung ứng DVMTR năm 2018 trên địa bàn tỉnh về hồ sơ và quản lý, sử dụng tiền DVMTR năm 2018 cụ thể như sau:

1. Về hồ sơ chi trả tiền DVMTR năm 2018.

a) Đối với các chủ rừng là tổ chức, gồm: Các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng; Vườn Quốc gia Chư Yang Sin; các Công ty TNHH MTV, 2TV Lâm nghiệp; các đơn vị lực lượng vũ trang; các doanh nghiệp ngoài Nhà nước được giao rừng, cho thuê rừng để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp hoặc tự đầu tư trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp được giao, thành phần hồ sơ gồm:

- Thuyết minh Phương án quản lý bảo vệ rừng cung ứng DVMTR năm 2018, kèm theo dự toán chi tiết tiền chi trả DVMTR năm 2018, (Biểu mẫu số 01);

- Biểu thống kê danh sách các hộ nhận khoán bảo vệ rừng, có xác nhận của UBND cấp xã sở tại và được lập theo từng xã (trường hợp các chủ rừng là tổ chức có thực hiện khoán bảo vệ rừng), (Biểu mẫu số 02);

- Bảng tổng hợp diện tích rừng được chi trả DVMTR, (Biểu mẫu số 03);

- Bản đồ chi trả DVMTR năm 2018 (biên tập bản đồ theo quy định tại Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh);

- Hợp đồng hoặc phụ lục hợp đồng khoán bảo vệ rừng với các hộ nhận khoán theo quy định hiện hành của Nhà nước, các chủ rừng là tổ chức thống nhất việc áp dụng hệ số K với hộ nhận khoán bảo vệ rừng và được thể hiện trong hợp đồng khoán hoặc phụ lục hợp đồng khoán bảo vệ rừng theo hướng dẫn của Sở Nông nghiệp và PTNT tại Công văn số 398/SNN-QBVR ngày 22/02/2018 về việc hướng dẫn áp dụng hệ số K thành phần làm cơ sở tính toán mức chi trả tiền DVMTR trên địa bàn tỉnh;

- Các văn bản pháp lý có liên quan khác kèm theo.

Trước ngày 30/6/2018, các đơn vị gửi hồ sơ chi trả tiền DVMTR năm 2018 về Sở Nông nghiệp và PTNT để thẩm định, phê duyệt (thông qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để kiểm tra), sau khi hồ sơ được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định, phê duyệt, chủ rừng lập thành 06 bộ gửi cho các đơn vị sau: Sở Nông nghiệp và PTNT 01 bộ; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh 03 bộ; Hạt Kiểm lâm sở tại 01 bộ và chủ rừng giữ 01 bộ để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, nghiệm thu và thanh quyết toán theo quy định. Riêng hợp đồng khoán bảo vệ rừng lập thành 03 bộ gửi Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh 01 bộ; đối tượng nhận khoán 01 bộ và 01 bộ chủ rừng lưu để thực hiện.

b) Đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao rừng để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn tự đầu tư trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp được Nhà nước giao, Hạt Kiểm lâm cấp huyện phối hợp với UBND cấp xã sở tại lập hồ sơ chi trả DVMTR năm 2018, thành phần hồ sơ gồm:

- Tổng hợp danh sách các hộ gia đình, cá nhân; nhóm hộ; cộng đồng được chi trả DVMTR theo từng xã (Biểu mẫu số 04);

- Bảng tổng hợp diện tích rừng được chi trả DVMTR (Biểu mẫu số 05);
- Bản đồ chi trả DVMTR năm 2018: Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh chủ trì phối hợp với Hạt Kiểm lâm cấp huyện, UBND cấp xã sở tại xây dựng bản đồ chi trả DVMTR cho các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân; cộng đồng dân cư thôn (biên tập bản đồ theo quy định tại Thông tư số 23/2016/TT-BNNPTNT ngày 30/6/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về hướng dẫn một số nội dung quản lý công trình lâm sinh);
- Các văn bản pháp lý có liên quan khác kèm theo.

Trước ngày 30/6/2018, Hạt Kiểm lâm cấp huyện tổng hợp các hồ sơ chi trả tiền DVMTR năm 2018 của các chủ rừng là cộng đồng, hộ gia đình, cá nhân trên toàn huyện, lập Tờ trình gửi về Sở Nông nghiệp và PTNT để thẩm định, phê duyệt (thông qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để kiểm tra), sau khi hồ sơ được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định, phê duyệt, lập thành 06 bộ gửi cho các đơn vị sau: Sở Nông nghiệp và PTNT 01 bộ; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng 03 bộ; Hạt Kiểm lâm sở tại 01 bộ và UBND cấp xã giữ 01 bộ để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, nghiệm thu và thanh quyết toán theo quy định.

c) Đối với UBND cấp xã được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định của pháp luật có cung ứng DVMTR lập hồ sơ chi trả DVMTR năm 2018 như quy định đối với chủ rừng là tổ chức được hướng dẫn tại công văn này.

Trước ngày 30/6/2018, các đơn vị gửi hồ sơ chi trả tiền DVMTR năm 2018 về Sở Nông nghiệp và PTNT để thẩm định, phê duyệt (thông qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh để kiểm tra), sau khi hồ sơ được Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định, phê duyệt, UBND cấp xã lập thành 06 bộ gửi cho các đơn vị sau: Sở Nông nghiệp và PTNT 01 bộ; Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh 03 bộ; Hạt Kiểm lâm sở tại 01 bộ và UBND cấp xã giữ 01 bộ để phục vụ công tác kiểm tra, giám sát, nghiệm thu và thanh quyết toán theo quy định. Riêng hợp đồng khoán bảo vệ rừng lập thành 03 bộ gửi Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh 01 bộ; đối tượng nhận khoán 01 bộ và 01 bộ chủ rừng lưu để thực hiện.

2. Về quản lý và sử dụng tiền DVMTR.

a) Đối với các chủ rừng là tổ chức, gồm: Các Ban quản lý rừng phòng hộ, đặc dụng; Vườn Quốc gia Chư Yang Sin; các Công ty TNHH MTV, 2TV Lâm nghiệp; các đơn vị lực lượng vũ trang; các doanh nghiệp ngoài Nhà nước được giao rừng, cho thuê rừng để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp hoặc tự đầu tư trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp được giao, cụ thể như sau:

- Chủ rừng là tổ chức không khoán bảo vệ rừng hoặc khoán một phần diện tích, phần diện tích còn lại chủ rừng tự bảo vệ thì toàn bộ số tiền nhận được tương ứng với diện tích rừng tự bảo vệ được coi là nguồn thu của chủ rừng, được quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về tài chính phù hợp đối với từng loại hình tổ chức. Nội dung chi, mức chi thực hiện theo quy định hiện hành; bao gồm:

C.N
 Ở
 NGH
 HẠT TR
 NG TH
 H ĐẤK

+ Các hạng mục công trình lâm sinh, các công trình cơ sở kỹ thuật phục vụ công tác bảo vệ và phát triển rừng;

+ Các hoạt động tuần tra, truy quét các điểm nóng, xử lý các vi phạm pháp luật về bảo vệ, phát triển rừng;

+ Mua sắm tài sản, công cụ, dụng cụ phục vụ công tác bảo vệ rừng; lập hồ sơ, xây dựng bản đồ chi trả dịch vụ môi trường rừng, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu, tuyên truyền, vận động, đào tạo, tập huấn, hội nghị và các hoạt động khác phục vụ công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng;

+ Chi trả lương và các khoản có tính chất lương đối với các đối tượng không hưởng lương từ nguồn ngân sách nhà nước và các hoạt động khác phục vụ cho công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng.

- Trường hợp chủ rừng là tổ chức có khoán bảo vệ rừng được trích không quá 10% tổng số tiền DVMTR chi trả cho diện tích rừng khoán bảo vệ nêu trên để chi cho công tác quản lý các khu rừng cung ứng dịch vụ môi trường rừng, gồm: Lập hồ sơ, kiểm tra, giám sát, đánh giá, nghiệm thu, tổ chức các hoạt động tuyên truyền giáo dục môi trường, vận động, đào tạo, tập huấn, hội nghị và các hoạt động khác phục vụ công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng. Đối với người tham gia thực hiện chi trả, tùy theo tình hình tài chính của đơn vị, chủ rừng quy định mức bồi dưỡng và trả tiền bồi dưỡng từ nguồn kinh phí quản lý.

Số tiền còn lại sau khi trích kinh phí quản lý được chủ rừng chi trả cho bên nhận khoán theo quy định.

b) Đối với các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng, cho thuê rừng; cộng đồng dân cư thôn, nhóm hộ được Nhà nước giao rừng để sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích lâm nghiệp; các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn tự đầu tư trồng rừng trên diện tích đất lâm nghiệp được Nhà nước giao được sử dụng toàn bộ số tiền DVMTR để quản lý bảo vệ, phát triển rừng và nâng cao đời sống.

c) Đối với UBND cấp xã được Nhà nước giao trách nhiệm quản lý rừng theo quy định của pháp luật có cung ứng DVMTR được quản lý và sử dụng tiền dịch vụ môi trường rừng theo quy định tại Khoản 4 Điều 3 Quyết định số 07/2012/QĐ-TTg ngày 8/0//2012 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành một số chính sách tăng cường công tác bảo vệ rừng và Khoản 3 Điều 3, Khoản 3 Điều 4 Thông tư số 85/2012/TT-BTC ngày 25/5/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng.

3. Giao Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh có trách nhiệm tiếp nhận, kiểm tra Hồ sơ chi trả tiền DVMTR năm 2018 của các đơn vị gửi về theo đúng nội dung trên, tham mưu Sở Nông nghiệp và PTNT thẩm định, phê duyệt làm cơ sở chi trả tiền DVMTR năm 2018 cho các đơn vị theo đúng quy định.

Trên đây là nội dung hướng dẫn công tác lập hồ sơ và quản lý sử dụng tiền DVMTR năm 2018. Trong quá trình triển khai thực hiện nếu có vướng mắc

xin phản hồi về Sở Nông nghiệp và PTNT (thông qua Quỹ Bảo vệ và Phát triển rừng tỉnh) để được hướng dẫn hoặc điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

Nhận được Công văn này, đề nghị các đơn vị có cung ứng DVMTR, các tổ chức, cá nhân có liên quan triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (b/c);
- Giám đốc Sở - CT HĐQT Quỹ;
- UBND cấp huyện (phối hợp chỉ đạo);
- Chi cục Kiểm lâm;
- Phòng QLXDCT và NVTH Sở;
- Hạt Kiểm lâm cấp huyện;
- UBND cấp xã có rừng cung ứng DVMTR;
- Lưu: VT, QBVR (Ngoc.150b).

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Hoài Dương

Biểu mẫu số 01:

(Kèm theo Công văn số: 928 /SNN-QBVR ngày 19 / 4 /2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

Đơn vị.....

**BIỂU TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI TIẾT TIỀN CHI TRẢ DVMTTR NĂM 2018
TẠI**

STT	Diễn giải	DVT	Số lượng	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Ghi chú
A	TỔNG THU					
I	Lưu vực					
II	Lưu vực					
					
B	TỔNG CHI					
I	Chi phí quản lý của chủ rừng (nếu có)					
1					
2					
....					
II	Chi công tác quản lý bảo vệ rừng					
1	Chi trả khoán QL BVR					
1.1	Lưu vực					
1.2	Lưu vực					
2	Chi từ nguồn kinh phí chưa khoán BVR					
2.1						
2.2						
....						

NGƯỜI LẬP

KẾ TOÁN TRƯỞNG

....., ngày ... tháng ... năm 2018
THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu và ghi họ tên)

Biểu mẫu số 03:

(Kèm theo Công văn số: 928/SNN-QBVR ngày 19 / 4 /2018 của Sở Nông nghiệp và PTNT)

BẢNG TỔNG HỢP DIỆN TÍCH RỪNG ĐƯỢC CHI TRẢ DVMTR NĂM 2018
TẠI.....

TT	Vị trí khu rừng			Diện tích cung ứng DVMTR (ha)	Hệ số K [6=7x8x9x10]	Trong đó				Diện tích được chi trả tiền DVMTR (ha) [11=5x6]
	Lô	khánh	Triều khu			K1	K2	K3	K4	
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6=7x8x9x10]	[7]	[8]	[9]	[10]	[11=5x6]
1										
2										
3										
...										
Tổng										

NGƯỜI LẬP

....., ngày tháng năm 201...
THU TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, đóng dấu)

II		Tên cộng đồng dân cư																		
1	Cộng (các cột 7, 13)																			
2	Cộng (các cột 7, 13)																			
Tổng																				

Kiểm lâm địa bàn

..... ngày tháng năm 201...

UBND XÃ.....

(Ký, đóng dấu)